



## HO CHI MINH

| Mô tả                     | 01 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 02 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 03 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 04 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 05 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 06 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 07 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 08 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 09 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 10 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 11 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 12 - tháng<br>(VND / xe buýt) |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| BẢNG GIÁ TUYỂN TIÊU CHUẨN | 42,000,000                    | 66,700,000                    | 84,000,000                    | 108,700,000                   | 130,900,000                   | 153,100,000                   | 177,800,000                   | 202,500,000                   | 224,800,000                   | 247,000,000                   | 268,000,000                   | 291,400,000                   |
| BẢNG GIÁ TUYỂN 01 & 152   | 45,700,000                    | 72,900,000                    | 92,600,000                    | 119,800,000                   | 144,500,000                   | 167,900,000                   | 195,100,000                   | 222,300,000                   | 247,000,000                   | 271,700,000                   | 295,100,000                   | 316,100,000                   |

\* Dịch vụ quảng cáo thân xe buýt bao gồm truyền thông, in ấn, thi công, báo cáo và bảo trì



## HA NOI

| Mô tả                                               | 01 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 02 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 03 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 04 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 05 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 06 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 07 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 08 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 09 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 10 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 11 - tháng<br>(VND / xe buýt) | 12 - tháng<br>(VND / xe buýt) |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| GÓI QUẢNG CÁO THÂN XE BUÝT (TUYỂN 01, 06, 60A, 60B) | 9,400,000                     | 15,300,000                    | 18,800,000                    | 22,400,000                    | 25,900,000                    | 30,600,000                    | 34,100,000                    | 37,700,000                    | 41,200,000                    | 44,700,000                    | 48,200,000                    | 51,800,000                    |
| GÓI QUẢNG CÁO DIE-CUT                               | 14,100,000                    | 22,800,000                    | 28,200,000                    | 34,100,000                    | 38,800,000                    | 45,900,000                    | 51,100,000                    | 56,500,000                    | 61,700,000                    | 67,100,000                    | 72,200,000                    | 77,700,000                    |